

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 204

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 24.11.2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội _HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống! Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 248, bắt đầu xem từ hàng thứ sáu dưới đếm lên.

“Trong khoảng một niệm”, trong kinh nói trong khoảng một niệm, ở dưới là nguyên biến cúng Chư Phật. “Trong chùng một niệm là chỉ thời gian cực kỳ ngắn ngủi. Giới hạn thời gian một niệm có nhiều thuyết khác nhau, ở trước có giải thích. Ngày nay y theo Phiên Dịch Danh Nghĩa Tập lấy sát na làm một niệm, lại theo Đại Luận một khảy móng tay có 60 sát na. Cho nên biết một niệm, chỉ một khảy móng tay chiếm 1/60 phần thời gian, cho nên nó vô cùng ngắn ngủi”.

Trong Phật pháp, sát na là thời gian cực kỳ ngắn. Trong Kinh Nhân Vương nói, một khảy móng tay có 60 sát na. Đại Trí Độ Luận cũng nói như thế. Nhân Vương Kinh còn nói, một sát na có 900 lần sanh diệt. Chúng ta đọc Bồ Tát Xứ Thai Kinh, đoạn đối thoại của Bồ Tát Di Lặc với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chúng ta biết cách nói này rất nhiều. Bồ Tát Di Lặc nói với chúng ta, ngài nói một khảy móng tay có 32 ức trăm ngàn niệm, niệm niệm thành hình, hình đều có thức. So với Kinh Nhân Vương còn ngắn hơn, thời gian càng ngắn. Bồ Tát Di Lặc nói và các nhà lượng tử lực học hiện nay phát hiện gần giống nhau. Có thể là tiêu quang tử mà các nhà khoa học nói, trong Phật pháp gọi là cực vi chi vi, không thể phân chia thêm nữa, phân nữa là không còn, đây là vật nhỏ nhất trong hiện tượng vật chất. Các nhà khoa học cũng chứng minh vật chất không phải thật, là huyền tướng do những tiêu quang tử này tích lũy liên tục sinh ra. Khiến chúng ta lãnh hội được trong Phật pháp đại thừa nói về ngũ uẩn giai không, hiện tượng này Đức Phật phân rất tường tận, phân nó thành “sắc thọ tưởng hành thức”. Tức trong thời gian ngắn ngủi đó, sanh ra những hiện tượng này. Sắc là hiện tượng vật chất, thọ tưởng hành thức là hiện tượng tinh thần. Hay nói cách khác, dùng Phật pháp để nói về cực vi chi vi, nó đầy đủ hiện tượng ngũ uẩn. Do đó chúng ta biết, toàn thể vũ trụ đều không ra ngoài hiện tượng này, trong một niệm nhỏ nhất này, nó có hiện tượng viên mãn, hiện tượng viên mãn của thọ tưởng hành thức.

Lấy con người chúng ta mà nói, thân thể con người là một hiện tượng ngũ uẩn. Bây giờ chúng ta hiểu, thân thể ngũ uẩn này bất luận phân như thế nào, phân đến cực vi chi vi, mỗi điểm đó vẫn là hiện tượng ngũ uẩn hoàn chỉnh. Điều này hình như các nhà khoa học cũng đã chứng minh. Thật ra thông thường chúng ta rất khó tưởng tượng, có thể nói là không thể tưởng tượng, đây là chân tướng sự thật.

Trong kinh Phật nói: “hạt cải chứa núi tu di, núi tu di chứa hạt cải”, cũng là nói rõ hiện tượng này. Thật ra tiểu quang tử nhỏ hơn nhiều so với giới tử, giới tử là hạt cải, chỉ lớn như hạt mè vậy, như vậy là rất lớn. Trong đó có thể dung nạp núi tu di, vì sao vậy? Vì núi tu di không tách rời ngũ uẩn, tiểu quang tử cũng là ngũ uẩn viên mãn. Nhìn từ đây, trong Kinh Hoa Nghiêm nói lớn nhỏ không hai, đây là thật. Mặc dù tiểu quang tử này, trong đó bao hàm toàn bộ tin tức của vũ trụ. Đây là khoa học trong kinh Phật nói.

Thời gian ngắn ngủi như thế_ chúng ta xem tiếp. “Nhưng sự ngắn ngủi trong khoảng sát na này, có thể vượt qua ức na do tha trăm ngàn cõi Phật, đi khắp hết một vòng”. Cảnh giới này giống như trong Kinh Hoa Nghiêm nói, giống như Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của quốc sư Hiền Thủ, ba loại chu biến. Bất luận là hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần hoặc là hiện tượng tự nhiên, mọi hiện tượng đều không ngoài ba loại lớn này. Ba loại hiện tượng lớn này, bất kỳ một hiện tượng nào phát sinh, đều chu biến pháp giới, xuất sanh vô tận, hàm dung không hữu. Ba loại chu biến này là tánh đức của tự tánh, thuật ngữ của Phật pháp gọi là pháp nhĩ như thị, nó vốn là như vậy.

Khi những hiện tượng này dừng lại, hoạt động của nó là hiện tượng dao động, khi dừng lại là bản thể của tự tánh, trong tịnh tông gọi là thường tịch quang. Nó phát sanh hiện tượng chân động, liền biến thành A lại da, A lại da biến hiện ra tất cả vạn pháp trong vũ trụ. Trong kinh Đức Phật nói, vũ trụ này là “tâm hiện thức biến”. Tâm hiện là tâm này động, tâm bất động nó không hiện, tâm động nó lập tức hiện ra. Khi nào nó động, vì sao động? Không có, không có thời gian, cũng không có nguyên nhân. Cho nên động này gọi là vọng động, nó không phải thật. Trong Phật giáo còn có một danh từ, nói hiện tượng này là “vô thi vô minh”, hiện tượng này là vô minh. Vô minh là vô thi, vô thi là gì? Không có bắt đầu. Vì sao nói nó không có bắt đầu? Vì thời gian của nó quá ngắn, ta không cách nào cảm nhận được nó bắt đầu. Một khay móng tay có 32 ức trăm ngàn niệm, như vậy làm sao phát hiện được? Cho nên gọi nó là vô thi. Trên thực tế có một câu nói rất hay: “ngay tại đây”. Câu này cũng rất khó hiểu, khó hiểu vô cùng. Vì sao vậy? Trong quan niệm ngay tại đây này, thời gian đã rất dài, không biết bao nhiêu cái ngay tại đây tích lũy một nơi, chúng ta mới có cảm nhận. Trên thực tế ngay tại đây, chúng ta không cách nào cảm nhận được. Trong kinh điển đại thừa nói, Bồ Tát bát địa trở lên, gần với quả vị Diệu giác, họ mới cảm nhận được. Trước thất địa đều không thể cảm nhận được, đương nhiên phạm phu chúng ta càng không cần nói. Đây là trong kinh Phật nói cho chúng ta về thật tướng các pháp. Trong hiện tượng này, mọi hiện tượng là bình đẳng, hoàn toàn không có sai biệt. Về sau những sai biệt này là thức biến, chính là phân biệt chấp trước, từ đây biến hiện ra. Khi không có phân biệt chấp trước, hiện tượng là bất biến. Nhưng hiện tượng cũng không phải tồn tại thật, nhất định phải hiểu đạo lý này. Khi đã hiểu rõ, khẳng định rồi, tự nhiên sẽ buông bỏ. Biết những gì trong Kinh Bát Nhã nói là thật, “vạn pháp giai không”. Trong Kinh Kim Cang nói: “nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh, như lộ diệc như điện, ung tác như thị quán”. 600 quyển Đại Bát Nhã nói về hiện tượng này, thực tế chính là một câu. Đức Phật nói suốt 22 năm, 22 năm nhưng người thật sự hiểu không nhiều. Ngài nói: “nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”. Cho nên vì sao Đức Phật dạy chúng ta buông bỏ, đạo lý là

như thế. Nếu nó là thật ta có thể đạt được. Không đạt được! Chẳng những không đạt được cảnh giới bên ngoài, đến thân thể chúng ta cũng không đạt được. Chẳng những thân thể không đạt được, chúng ta khởi tâm động niệm cũng không đạt được.

Ý niệm sanh diệt trong từng sát na, cho nên mới nói: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, bao gồm cõi thật báo trang nghiêm. Như vậy chúng ta mới thật sự lãnh hội được, trong Bách Pháp Minh Môn Luận nói, sáu pháp vô vi chỉ có một pháp là thật. “Chân như vô vi”, đây là nói về tự tánh, năm vô vi pháp còn lại không phải thật, mà là giả. Gọi là tương tự vô vi, nó không phải chân vô vi, nó có sanh diệt. Tướng sanh diệt không rõ ràng, không những chúng ta không dễ cảm nhận, bao gồm nhị thừa, quyền giáo Bồ Tát cũng rất khó cảm nhận được hiện tượng sanh diệt của nó, nên gọi nó là pháp vô vi. Đây là nói rõ về tốc độ nhanh chóng này.

“Trong chùng một niệm biến pháp giới hư không giới”, cho nên nó đi khắp tất cả. “Hiển lộ rõ ràng người ở thế giới Cực Lạc thần thông diệu dụng không thể nghĩ bàn”. Cảnh giới này là cảnh giới của Như Lai quả địa. Năng lực thần túc thông của Bồ Tát đã không thể nghĩ bàn, nhưng so với Phật thì khoảng cách còn quá xa.

Thiên nhân ở thế giới Cực Lạc, quý vị phải nhớ, là thiên nhân cõi phàm thánh đồng cư vãng sanh. Họ được bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, bốn nguyện của 48 nguyện gia trì. Vì thế thần thông, đạo lực, trí tuệ, đức tướng đều giống với Phật A Di Đà. Đây là sự thù thắng vô biên của thế giới Cực Lạc, ở các thế giới khác không có, chỉ có thế giới Cực Lạc có. Điều đầu tiên chúng ta phải tin rằng, Phật Bồ Tát không gạt chúng ta, mỗi một câu họ nói ra đều là sự thật, là người nói lời chân thật, nói lời như pháp, không vọng ngữ, chúng ta cần phải tin. Chúng ta vãng sanh đến thế giới Cực Lạc chưa thành Phật, nhưng cũng như thành Phật, đây là ân đức của Phật A Di Đà. Sở dĩ tất cả Chư Phật tôn sùng Phật A Di Đà, tán thán Phật A Di Đà, xưng ngài là “quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”, đạo lý là đây. Đương nhiên Phật Phật đạo đồng, nguyện lực không tương đồng, trí tuệ thần thông đạo lực không tương đồng, trí tuệ không tương đồng. Nguyện lực của Phật A Di Đà không thể nghĩ bàn, phổ độ biến pháp giới hư không giới, những chúng sanh khổ nạn, mê hoặc điên đảo, nhanh chóng thành Phật, đây là bốn nguyện của Phật Di Đà. Những chúng sanh này phải tương ưng với nguyện của Phật mới có thể được độ, như vậy mới giúp được. Nếu như trái với 48 nguyện của ngài, Đức Phật không độ được. Đạo lý này, thật sự hy vọng đời này, người cầu sanh thế giới Cực Lạc cần phải hiểu. Nếu không hiểu nó sẽ tạo thành chướng duyên, chướng ngại ta vãng sanh.

Bên dưới giải thích: “Na do tha là số, ngày xưa nói không giống nhau, nó là nhỏ”, so với con số của người xưa cũng có sai biệt, cách nói đều khác nhau. “Như Huyền Ứng Âm Nghĩa nói, na do tha là mười vạn của Trung quốc”. Người Ấn độ gọi na do tha là mười vạn của Trung quốc. “Nó lớn hơn tức gọi là na do tha, thời nhà Tùy gọi là số ngàn vạn”. Quý vị xem khác biệt quá lớn. Thời nhà Tùy, người Trung quốc gọi là Tùy, vì lúc đó bầu không khí dịch kinh rất thù thắng. Đại bộ phận kinh điển đều dịch vào thời Tùy Đường, dịch với số lượng lớn, đây là thời đại hoàng kim của Phật giáo.

“Các thuyết khác không trích dẫn đầy đủ”, còn có cách nói khác, số chữ khác nhau. “Số này khó xác định, nhưng có thể nói chắc là trăm ngàn ức na do tha. Biểu thị thứ nhất khó mà lấy số lớn để tính”. Điều này có thể nói như thế, nó là trăm ngàn ức na do tha.

Bên dưới là cõi Phật. “Đối với một sát na, có thể vượt vô số cõi Phật như thế, biểu trưng nơi đến rất xa”. Đây là nói gì? Nói đến cúng Phật. Ở trước có nói với quý vị, Đức Phật dạy chúng sanh phước tuệ song tu, điều này rất có đạo lý. Không những phải có trí tuệ, còn phải có phước báo, phước tuệ trong tự tánh là viên mãn. Sau khi chúng ta mê mất tự tánh, phước tuệ viên mãn trong tự tánh không thể hiện tiền. Bây giờ mặc dù đang tu hành, mặc dù tu đến pháp thân Bồ Tát, tập khí vô thi vô minh vẫn chưa đoạn, tập khí này vẫn chướng ngại tánh đức. Tuy chướng ngại không nghiêm trọng, nhưng vẫn có chướng ngại, cần phải đoạn tận tập khí vô thi vô minh, đó gọi là Diệu giác vị. Đẳng giác vị còn một phẩm sau cùng chưa đoạn. Vấn đề này toàn bộ đều hoàn thành tại cõi thật báo trang nghiêm, ở cõi thật báo hoàn thành việc lớn này. Tu hành trong cõi thật báo, như trong kinh này nói vậy. Quý vị có năng lực này, chỉ trong khoảng một niệm liền chu biến pháp giới. Giống trong Hoàn Nguyên Quán nói “xuất sanh vô tận”, nghĩa là nói ta có thể biến hiện vô lượng vô biên thân. Trong mỗi cõi Phật, trước mỗi vị Phật ta đều đi tham học, đều đến cúng dường. Cúng dường là tu phước, nhất định nghe Phật thuyết pháp. Phật là bậc thầy, nhất định đang giảng kinh thuyết pháp, nghe pháp khai trí tuệ, cử chỉ này là phước tuệ song tu.

Thế gian chúng ta, hiện nay giao thông phương tiện. Như thời Tùy Đường giao thông không phương tiện, đường thủy được coi là phương tiện nhất, đi bằng thuyền. Còn đường bộ nhanh nhất là xe ngựa, không thể sánh với giao thông hiện nay. Cho nên những danh sơn bảo sát, các bậc cao tăng đại đức thiện hữu muốn đi tham bái rất gian khổ, mất thời gian rất dài. Trong điển tịch này ghi chép, những điển tịch ngày xưa ghi chép lại “Triệu Châu hòa thượng bát thập do hành khước”, vẫn rất tinh tấn đi tham học khắp nơi, vì sao vậy? Vì chưa khai ngộ, khai ngộ thì không cần.

Chư vị Bồ Tát ở thế giới tây phương Cực Lạc họ đều đã khai ngộ, Bồ Tát ở cõi thật báo đều đã khai ngộ. Sau khi khai ngộ, những hoạt động này cũng không hề ngưng, vẫn không ngừng đi tham học. Như vậy nghĩa là sao? Chỉ có một mục đích, tạo ảnh hưởng cho những người chưa khai ngộ. Người khác thấy vậy, quý vị xem rất nhiều Đẳng giác Bồ Tát đều ngày ngày đi tham học. Như vậy bên dưới như thập trụ, thập hành, thập hồi hướng, thập địa có thể không đi tham học ư? Đồng thời trong hành động này, hiển lộ tính “khiêm hòa thành kính” của tánh đức, hiển lộ ra sự chí thành, cung kính, khiêm tốn, hòa thuận. Đây là tánh đức tự nhiên hiển lộ ra, khiến trí tuệ đức tướng trong tự tánh chúng ta hiển lộ.

Cũng như người thế gian thường nói: “học vi nhân sự, hành vi thế phạm”. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, đều phải làm tấm gương tốt cho đại chúng trong thế gian. Chư Phật Như Lai làm tấm gương tốt cho tất cả chúng sanh khắp biến pháp giới hư không giới, Bồ Tát, nhị thừa, thiên nhân, còn bao gồm tất cả chúng sanh hữu tình và

vô tình trong lục đạo. Như vậy bản thân chúng ta sẽ không giải đãi. Thầy Phương Đông Mỹ nói: “Học Phật là hưởng thụ cao nhất của đời người”, trong này có hưởng thụ cao nhất, trong này có pháp hỷ sung mãn, trong này đích thực là thường sanh tâm hoan hỷ. Phật pháp đại thừa hoàn toàn biểu hiện trong hoạt động này.

Bên dưới nói, “chu biến tuần lịch nghĩa là đi khắp một cõi nước rất rộng”, phạm vi tham học của họ rất rộng. “Cúng dường Chư Phật, nghĩa là rất nhiều người làm việc này”. Phồn túc là nhiều, quả thật là vô lượng vô biên. “Mà tất cả đều chỉ trong chừng một niệm là thành tựu viên mãn”. Cần bao nhiêu thời gian? Một niệm, chỉ trong một niệm thành tựu viên mãn. “Điều này nói rằng cõi nước Cực Lạc sự sự vô ngại, một nhiều tương tức, dài ngắn đồng thời”. Đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn, đây là thật tướng các pháp, là chân tướng.

“Hiện lộ thế giới Cực Lạc sự sự vô ngại, là bốn loại vô ngại đạt đến cứu cánh viên mãn”. Ngài Thanh Lương phân Hoa Nghiêm có bốn loại vô ngại. Lý vô ngại, sự vô ngại, lý sự vô ngại, sau cùng là sự sự vô ngại, khi nào hiển thị ra? Ở cõi thật báo. Nhưng chúng ta phải biết thế giới tây phương Cực Lạc, cõi phàm thánh đồng cư hiển thị ra cảnh giới này. Nghĩa là nói chúng ta học Phật, vì sao phải tu pháp môn Tịnh độ, vì sao phải sanh về thế giới Cực Lạc, đạo lý chính là như vậy. Chúng ta không đến đây tu hành, khó khăn nơi khác cũng là không thể tưởng tượng, có thể nói là quá khó. Vấn đề này chúng ta có thể lãnh hội được, không phải không thể nghiệm được. Thử nghĩ xem, ở thế gian này đối với vấn đề đoạn phiền não _ Nhập môn của Phật pháp là phá thân kiến, đạo lý này chúng ta đều hiểu, có thể phá được chăng? Khi nào chúng ta buông bỏ thân kiến? Không cần nói nhiều, buông bỏ chỉ một phút, có ai từng buông bỏ thân kiến trong vòng một phút chăng? Không cần quá nhiều, không có. Một giây có thể, một phút chắc không có. Một giây không phải là buông bỏ, mà là quên, không có ý niệm này, là quên mất. Cho thấy phiền não này, thân kiến, biên kiến, thành kiến, niệm này nối tiếp niệm kia. Có khi giống như không có, không phải không có, mà là chúng ta không cảm nhận được, ý niệm này niệm niệm tương tục không hề gián đoạn, quý vị nói khó khăn biết bao! Những thứ này tồn tại là không thể nhập môn, đây là điều kiện đầu tiên chúng quả Tu đà hoàn. Trong giáo lý đại thừa, như trong Hoa Nghiêm thập tín vị Bồ Tát, sơ tín cũng là điều kiện đầu tiên. Từ chỗ này, chúng ta lãnh hội được nó rất khó, vô cùng khó khăn.

Đức Phật dạy cho chúng ta phương pháp này, đổi niệm niệm tương tục thành A Di Đà Phật, đổi vị trí của nó. Chúng ta niệm niệm tương tục là cái tôi, coi thân thể này là tôi. Bây giờ đem niệm niệm tương tục này đổi thành A Di Đà Phật. Vậy là thành công, thành công lớn. Tuy chưa khai ngộ, chưa kiến tánh, sanh đến thế giới Cực Lạc là vãng sanh cõi phàm thánh đồng cư. Được 48 nguyện của Phật A Di Đà gia trì, hoàn toàn giống với A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí là Bồ Tát cõi thật báo, pháp thân Bồ Tát. Điểm khác nhau rõ ràng là đầy đủ sáu loại thần thông. Quý vị xem thần túc thông một niệm là chu biến tuần lịch, biến pháp giới hư không giới, tất cả cõi nước Chư Phật không sót cõi nào. Đây là sự sự vô ngại, một nhiều tương tức. Một tức là nhiều, nhiều tức là một. “Dài ngắn đồng thời”, dài là thời gian dài, ngắn là thời gian ngắn, đã đột phá

thời gian, không có thời gian. Một nhiều tương tức là đột phá không gian, nghĩa là nói không có giới hạn của thời gian và không gian, nhập vào cảnh giới này.

Bên dưới nói: “Giới tử tu đi, mười phương không tách rời nơi này”. Giới tử và tu đi là nói lớn và nhỏ không phải hai, giới tử nhỏ, núi tu đi lớn. Trong núi tu đi có thể dung chứa giới tử, mười phương không rời nơi này. Đây là không gian không có, đã đột phá tầng không gian. “Một niệm biến cúng, ba đời không rời niệm này”. Ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai, thời gian đột phá.

Hai câu ở sau rất quan trọng: “Tức là ngay đây, viên nhiếp không còn thừa”. Đây là bản năng của chúng ta, là tự tánh của chúng ta. Chư Phật Như Lai như vậy, tất cả chúng sanh cũng như vậy. Chư Phật Như Lai được thọ dụng viên mãn, chúng sanh mê mất tự tánh, tuy có nhưng nó không khởi tác dụng. Nguyên nhân không khởi tác dụng, Đức Phật nói với chúng ta rất rõ ràng, vì ta có vô thi vô minh, có trần sa phiền não, có kiến tư phiền não. Những thứ này làm chướng ngại trí tuệ đức năng trong tự tánh của chúng ta, chỉ là chướng ngại, không hề bị tổn thất. Chỉ cần đoạn trừ chướng ngại, buông bỏ chướng ngại, trí tuệ đức năng của tự tánh hoàn toàn hiển lộ, không có gì khác với Chư Phật Như Lai. Bởi vậy Đức Phật mới nói, tất cả chúng sanh vốn là Phật, câu nói này là thật, không phải giả. Trong kinh Phật nói, những cảnh giới không thể nghĩ bàn này, đều có thể tìm được chứng minh trên thân thể chúng ta.

Trong hội Lăng Nghiêm, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy vua Ba Tư Nặc rằng, thân thể của ông có sanh diệt, tuổi lớn cảm thấy thọ mạng không còn bao nhiêu. Nhưng trên thân có tự tánh bất sanh bất diệt, đây là gì? Là căn tánh lục căn. Mắt gọi là tánh thấy, tai gọi là tánh nghe, những thứ này không có biến hóa. Từ khi sinh ra cho đến già chết nó không có biến hóa, không có biến hóa là tồn tại vĩnh viễn không có sanh diệt. Thân thể là vật chất, vật chất có biến hóa, thân thể vật chất có sanh diệt, nhưng linh tánh bất sanh bất diệt, cổ nhân thường gọi là linh hồn. Linh hồn là gì? Là linh tánh trong trạng thái mê chưa giác ngộ, trạng thái mê nó vẫn còn phân biệt chấp trước, nghĩa là nó có kiến tư phiền não, có trần sa phiền não. Nó giác ngộ, giác ngộ lục đạo không còn, tức là vượt khỏi lục đạo, đây là A la hán. Tuy vượt thoát lục đạo, nhưng chưa ra khỏi mười pháp giới, đây là cảnh giới của nhị thừa, quyền giáo Bồ Tát, điều này không dễ.

Ngày nay chúng ta gặp được pháp môn này, pháp môn này rất thù thắng. Không cần đoạn tập khí phiền não, chỉ cần không chế đừng để nó khởi tác dụng, công đức của chúng ta được viên mãn. Đây gọi là phục phiền não, không phải đoạn, chế phục dễ hơn đoạn rất nhiều. Đó là gì? Cổ nhân gọi là xa lạ và quen thuộc. Phạm phu chúng ta đối với tập khí phiền não rất quen thuộc, phiền não khởi lên trong từng niệm. Phật A Di Đà lại không quen thuộc, không hề nhớ đến. Làm sao để thay đổi nó, không thường thấy phiền não, không nghĩ đến, còn Phật A Di Đà có thể tương tục không gián đoạn, như vậy là thành công. Xa lạ đổi thành quen thuộc, quen thuộc đổi thành xa lạ, thay đổi vị trí của nó là được. Thay đổi như thế nào? Ta phải niệm thật mới được! Phương pháp của Bồ Tát Đại Thế Chí rất cao minh: “Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”. Phương pháp này có thể giúp chúng ta chuyển đổi vị trí của xa lạ và quen thuộc này. Phải tinh

tấn nỗ lực, không như vậy thì không thể. Cần thực hành bao lâu? Theo tình hình thông thường là ta phải y giáo phụng hành, phải buông bỏ khoảng ba năm đến năm năm, như vậy sẽ thay đổi được vị trí của xa lạ và quen thuộc. Khi đã thay đổi, vãng sanh được tự tại. Ta không muốn ở thế gian này, quả thật ta có thể vãng sanh. Nếu còn nhân duyên ở thế gian, nhân duyên không phải gì khác, chính là đưa thêm vài người cùng vãng sanh. Làm được, không phải không làm được, đây gọi là sanh tử tự tại. Pháp môn Tịnh độ tu đến sanh tử tự tại, thông thường mà nói thời gian khoảng ba đến năm năm. Nếu năm ba năm không thể thành tựu, là do ta không tinh tấn, không thật niệm, thật niệm có thể làm được.

“Cho nên nói, Hoa Tạng không khác với Cực Lạc, Tịnh độ thu nhiếp tất cả sự huyền diệu”, hai câu này là thật. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói, cõi thật báo của Tỳ Lô Giá Na Phật là thế giới Hoa Tạng. Cõi thật báo phương tây là cõi thật báo trang nghiêm của Phật A Di Đà, là một không phải hai. Pháp môn Tịnh độ này quả thật là thu nhiếp mọi sự huyền diệu, tám vạn bốn ngàn pháp môn đều bao hàm trong đó. Một tức là nhiều, nhiều tức là một, chúng ta thấy đây là đại nguyện biến cúng Chư Phật.

Chúng ta xem tiếp chương bên dưới, chương này cũng chỉ là một nguyện: “Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sanh, sanh ngã quốc giả, viễn ly phân biệt, chư căn tịch tịnh, nhược bất quyết định, thành đẳng chánh giác, chứng đại niết bàn giả, bất thủ chánh giác”. Nguyện này là nguyện định thành chánh giác.

Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Lão. “Đây là nguyện thứ 12, gọi là nguyện định thành chánh giác. Người vãng sanh chắc chắn thành Phật, chính là hiện rõ bản tâm của Phật Di Đà. Duy chỉ có nhất Phật thừa, rộng độ vô biên chúng sanh đến cứu cánh niết bàn”. Câu này rất quan trọng, cho nên chư vị cao tăng pháp môn tịnh độ thời Tỳ Lô Đường, các bậc tổ sư đại đức khảng định pháp môn này là nhất thừa đại pháp. Vốn là nói đại pháp nhất thừa chỉ có ba bộ kinh, là Hoa Nghiêm, Pháp Hoa và Phạm Võng. Kinh Phạm Võng truyền đến Trung quốc không hoàn chỉnh, chỉ truyền đến một phẩm, là hai quyển Bồ Tát Tâm Địa Giới Phẩm. Nghe nói bộ kinh này phân lượng rất lớn, nhưng chỉ truyền đến Trung quốc hai quyển. Kinh này bây giờ cũng không còn, đã thất truyền.

Chư vị cổ đức phát hiện, Kinh Vô Lượng Thọ cũng là đại kinh nhất thừa, vì sao vậy? Vì sau cùng Kinh Hoa Nghiêm, Bồ Tát Phổ Hiền thập đại nguyện vương quy về Cực Lạc, phát hiện từ chỗ này. Các bậc cổ đức nói, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa đều là chỉ dẫn của Kinh Vô Lượng Thọ. Tôi tin điều này, vì sao vậy? Vì tôi tin pháp môn Tịnh độ, đúng là từ Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm dẫn dắt vào. Xem những kinh điển này, tất cả đều hướng dẫn quay về thế giới Cực Lạc.

Trong Kinh Lăng Nghiêm cũng rất rõ ràng, Đức Phật hỏi chư vị đại Bồ Tát, hỏi họ về tu hành. 25 vị Bồ Tát làm biểu pháp, biểu trưng cho vô lượng pháp môn. Vô lượng pháp môn quy nạp lại, không ra ngoài 25 loại lớn, 25 loại lớn này từ đâu đến? Lục căn, lục trần, lục thức là 18, thêm vào thất đại: địa thủy hỏa phong không kiến thức, là 25.

Bất luận là tu pháp môn nào, đều không ra ngoài phạm vi này, cho nên gọi là 25 loại viên thông. Bất kỳ pháp môn nào đều có thể minh tâm kiến tánh, cho nên Phật mới nói pháp môn bình đẳng, không có cao thấp, đây là thật. Nhưng mỗi người chúng ta căn tánh bất đồng, cho nên tu hành có khó dễ khác nhau. Pháp môn không có sai biệt, tuyệt đối bình đẳng, do căn tánh chúng ta không bình đẳng.

Trong Kinh Lăng Nghiêm, thông thường đều cho rằng Lăng Nghiêm là Mật tông cần phải tu, Thiên tông cần phải tu. Hình như trong kinh điển của Tịnh tông, không có Kinh Lăng Nghiêm. Thật ra Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông Chương, chính là trong Kinh Lăng Nghiêm. Còn có Quan Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông Chương, nhưng rất ít người đọc. Thông thường người niệm Quan Âm Bồ Tát, đều đọc trong Kinh Pháp Hoa, là Quan Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm, đều đọc phẩm này. Bồ Tát Văn Thù là Thế Tôn mệnh lệnh ngài, khiến ngài thay thế giới Ta Bà chúng ta, đặc biệt là thay chúng sanh trên địa cầu này. Ngài chọn một trong 25 pháp môn, Bồ Tát Văn Thù chọn giúp chúng ta, chọn Nhĩ Căn Viên Thông, chính là Bồ Tát Quan Âm. Cho nên Bồ Tát Quán Thế Âm, đặc biệt có nhân duyên với chúng sanh ở đây. Lục căn của chúng ta là nhãn nhĩ tỷ thiệt thân, nhạy bén nhất là nhĩ căn. Nhìn không rõ ràng, nhưng nghe rất rõ ràng, cho nên nhĩ căn đáng nể hơn nhãn căn. Bồ Tát Quán Thế Âm chính là tu nhĩ căn viên thông, “phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo”, cho nên chúng ta có nhân duyên rất sâu dày với ngài, căn tánh tương đồng. Thật ra trong 25 viên thông, không chỉ pháp môn Quán Thế Âm Bồ Tát là một pháp môn thù thắng. Đặc biệt có hai pháp môn, đặc biệt này là gì? Theo thứ tự sắp xếp chính là pháp môn thông thường, sắp xếp thông thường. Không sắp xếp theo thuận tự, chính là pháp môn đặc biệt. Nếu theo thứ tự sắp xếp, Bồ Tát Quán Âm xếp thứ hai, ngài là nhĩ căn. Quý vị xem trong lục căn, nhãn là thứ nhất, thứ hai tức là nhĩ căn, rồi đến tỷ thiệt thân, thứ tự sắp xếp là như thế. Bồ Tát Quán Âm không xếp vị trí thứ hai, ngài được xếp ở sau cùng, xếp vào thứ 25. Đây chính là hiển thị nét đặc thù của ngài, mà còn rất rõ ràng. Quý vị xem, vốn phải sắp ngài ở thứ hai, ngược lại đặt ngài sau cùng, cho nên mọi người vừa xem là nhận ra.

Một điều đặc biệt nữa là, vị trí của vị này chỉ xê xích một người, cho nên không rõ ràng, nếu xem tỉ mỉ sẽ phát hiện. Trong thất đại, địa thủy hỏa phong không kiến thức Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương là kiến đại, Bồ Tát Di Lặc là thức đại, vị trí của ngài đặt trước Bồ Tát Di Lặc, đây là sắp xếp theo thứ tự. Nhưng Bồ Tát Đại Thế Chí không sắp theo thứ tự, ngài thay đổi vị trí với Bồ Tát Di Lặc, ngài sắp sau Bồ Tát Di Lặc, Bồ Tát Di Lặc sắp ở trước ngài. Vì ngài chỉ thay đổi một vị trí, nên không dễ nhận ra. Vốn ngài là thứ 23, vị trí của ngài là 23, Bồ Tát Di Lặc 24. Vị trí hai ngài thay đổi, thành Bồ Tát Di Lặc 23, Bồ Tát Đại Thế Chí tại số 24, sau cùng 25 là Bồ Tát Quán Thế Âm. Hai pháp môn đặc biệt, không phải chỉ có một. Cho nên thông thường người học Kinh Lăng Nghiêm rất dễ sơ suất, không nhận ra. Chỉ thấy Bồ Tát Quán Thế Âm, ở thế giới Ta Bà nhĩ căn sắc bén nhất, mà không nhận ra Niệm Phật Viên Thông Chương. Trong địa thủy hỏa phong không kiến thức, đây là kiến đại, chúng ta phải hiểu hàm nghĩa này. Bồ Tát Quán Âm khế căn cơ của chúng sanh trên thế giới Ta Bà nhất, còn Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông Chương là khế với căn cơ của tất cả chúng

sanh khắp biến pháp giới hư không giới, như vậy không tuyệt vời ư? Học Kinh Lăng Nghiêm không hiểu rõ ràng minh bạch vấn đề này, như vậy là phí công học Lăng Nghiêm.

Khi tôi mới xuất gia, hình như là tôi xuất gia được hai năm, tôi xuất gia tại Chùa Lâm Tế. Năm thứ hai Chùa Lâm Tế mở giới đàn, tôi nhận trách nhiệm làm thư ký cho giới đàn. Tôi nhớ, có một hôm vào buổi tối, có mấy sinh viên của trường đại học Đài Loan. Tôi còn nhớ có một người, chỉ nhớ tên một người, còn mấy người khác không nhớ, có ba bốn sinh viên. Một người tên là Cổ Chính Mỹ, họ của anh ta không thường gặp, cổ của cổ kim, về sau cũng là giáo thọ của trường đại học. Anh ta dẫn theo một vị thầy người Nhật bản, là giáo thọ khách mời của đại học Đài Loan. Ông cũng là pháp sư, pháp sư người Nhật bản, đưa ông đến thăm tôi. Nghe nói tôi học Kinh Lăng Nghiêm, đúng là lúc đó tôi học Lăng Nghiêm, học Kinh Lăng Nghiêm với thầy Lý. Pháp sư này gặp tôi hỏi tôi học gì? Tôi nói bây giờ tôi đang học Kinh Lăng Nghiêm. Ông ta hỏi thầy tu pháp môn gì? Tôi nói tôi tu Tịnh độ, niệm Phật A Di Đà. Ông ta hỏi tôi một câu, Lăng Nghiêm và Tịnh độ có quan hệ gì? Thái độ người Nhật bản này rất cao, rất ngạo mạn, thái độ rất coi thường chúng tôi, không coi ai ra gì.

Tôi hỏi ngược lại, Bồ Tát Quán Thế Âm, Bồ Tát Đại Thế Chí với Tịnh độ có quan hệ gì? Điều này ông ta biết. Tây phương Tam Thánh, đứng hai bên Phật A Di Đà chính là Quán Âm và Thế Chí. Tôi hỏi câu này ông ta vẫn chưa giác ngộ, sau cùng tôi mới nhắc nhở ông ta, trong hội Lăng Nghiêm 25 viên thông, mấu chốt chính là hai nhân vật này. Ông nói Kinh Lăng Nghiêm không liên quan đến Tịnh độ chăng? Trong Kinh Lăng Nghiêm bao hàm huyền cơ, chính là Tịnh độ. Quý vị xem hai vị Bồ Tát này, hai vị Bồ Tát đều tượng trưng pháp môn đặc biệt, không sắp xếp theo thứ tự. Tôi nói rạch ròi như vậy, ông ta không còn gì để nói, sao lại sợ ý đến thế? Đây là giáo thọ khách mời của trường đại học Đài Loan. Sau đó tôi từng đến phỏng vấn tại Nhật bản sáu lần. Tôi không nhớ tên thầy này, cũng không gặp lại ông ta.

Cho nên chúng ta tu học đại thừa, quả thật là phải lưu ý từng câu từng chữ, không được dễ dàng bỏ qua. Mới biết sự vi diệu của Tịnh tông, thiên kinh vạn luận. Có khi Phật hiển thuyết, có khi Phật mật thuyết, nếu biết xem có thể nhận ra, nếu không biết xem sẽ không biết. Tu học Kinh Lăng Nghiêm quan trọng nhất chính là hai pháp môn này, hai vị Bồ Tát làm đại biểu, hai vị Bồ Tát này đều ở thế giới Cực Lạc, là Quán Âm và Thế Chí.

Đây là nói, “bốn tâm của Di Đà, duy có nhất Phật thừa”. Không sai chút nào. “Quảng độ vô biên chúng sanh đến cứu cánh niết bàn”. Niết bàn là tiếng Phạn. “Trong nguyện văn xa rời phân biệt, các căn tịch tịnh”. Hai câu này rất quan trọng, xa lìa phân biệt nghĩa là không phân biệt, các căn tịch tịnh tức là không chấp trước. Các căn tịch tịnh trên đề kinh này gọi là thanh tịnh, xa lìa các căn là bình đẳng trên đề kinh. Tu học Tịnh tông bốn chữ này rất quan trọng, được tâm thanh tịnh nhất định vắng sanh. Cõi phương tiện hữu dư là Tịnh độ của Phật A Di Đà, cõi phàm thánh đồng cư là uế độ của Phật A Di Đà, nhưng uế độ của ngài cũng thanh tịnh, vì sao vậy? Vì ở đó không có ba

đường ác, chỉ có nhân thiên. Được tâm thanh tịnh chính là A la hán và Bích Chi Phật, được tâm bình đẳng tức là Bồ Tát, là Phật, Bồ Tát và Phật trong mười pháp giới.

Thế giới Cực Lạc không giống với những thế giới khác, nó là một pháp giới bình đẳng. Ở trước chúng ta đã học, đến sắc thân, dung mạo đều hoàn toàn giống nhau, không hề có sự sai biệt nào. Cổ nhân nói: “tâm người khác nhau, mỗi người đều như khuôn mặt của họ vậy”. Đây là gì? Là tất cả pháp từ tâm tướng sanh, vì sao tướng mạo chúng ta đều không giống nhau? Vì ý niệm không giống nhau, nếu ý niệm giống nhau thì tướng mạo sẽ giống nhau. Vì sao ở thế giới Cực Lạc tướng mạo đều hoàn toàn giống nhau? Vì họ đều niệm Phật A Di Đà, vì thế tướng hiện ra không khác gì với Phật A Di Đà, tất cả đều như nhau. Nếu như hiểu được đạo lý này, ta sẽ tinh tấn niệm Phật A Di Đà.

Phật A Di Đà đích thực không chỉ có 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp như trong kinh nói, không chỉ chừng đó. Trong chú giải này nói rất rõ ràng, đó là theo cách nói của người Ấn độ ngày xưa. Báo thân của Phật A Di Đà, thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp, nói không cùng. Mỗi người đều muốn tướng tốt, niệm Phật A Di Đà là được, không tin thì niệm thật nhiều vào. Quả nhiên niệm khoảng ba năm tướng mạo thay đổi, thể chất cũng thay đổi, thể chất thay đổi thành thân kim cang bất hoại, tướng mạo thay đổi giống Phật. Đây đều là dạy chúng ta phải siêng năng học tập, tinh tấn niệm Phật A Di Đà.

Đây là từ Tống Dịch. “Nếu không chắc chắn thành Chánh Đẳng Chánh Giác, chúng đại niết bàn, không thủ chánh giác”. Hai câu trước trong nguyện văn này: “Xa lìa phân biệt, các căn tịch tịnh” là từ Tống Dịch. “Nếu không quyết định thành chánh giác, chúng đại niết bàn, không thành chánh giác”, đây là từ Đường Dịch. Đây là kinh văn trong bản hội tập của Hạ Liên Cư, tích dẫn từ bản nào đều nói rõ ràng.

Đối với Ngụy Dịch, bản của Khương Tăng Khải: “Không trú định tụ, tức là diệt độ, không thủ chánh giác”. “Khi đại sư Thiện Đạo chú thích Ngụy Dịch, thường trích dẫn Đường dịch giúp nêu rõ vấn đề, lại đặt bốn tên cho nguyện này. Tên thứ nhất là tất chí diệt độ nguyện, tên thứ hai chúng đại niết bàn nguyện, thứ ba là vô thượng niết bàn nguyện, thứ tư cũng có thể gọi là trú tướng chúng quả nguyện”. Chú giải này chú rất hay, nói ra tất cả những điều mà Hạ Liên Cư bỏ hay dùng khi hội tập, câu nào là trích dẫn từ nguyện bản nào, đều nói ra hết. Rất nhiều người biết đại sư Thiện Đạo, ngài là Phật A Di Đà tái sanh. Khi tôi đến Nhật bản phỏng vấn, hỏi chư vị xuất gia ở Nhật, có tư tưởng này chăng? Họ nói có, từ ngày xưa khi chư vị tổ sư truyền lại, đều nói đại sư Thiện Đạo là Phật A Di Đà tái sanh. Sự sùng bái của họ đối với đại sư Thiện Đạo, người Trung quốc không sánh bằng. Nếu đến các tự viện Tịnh độ tông ở Nhật bản, rất phổ biến, không có tự viện nào không có tượng của đại sư Thiện Đạo. Tượng của ngài là tượng đúc, hoặc là tượng điêu khắc bằng đá, khắp nơi đều có, đây là sự tôn trọng của họ đối với tổ sư. Đại sư Thiện Đạo, đại sư Trí Giả, ở Nhật bản khắp nơi đều có thể nhìn thấy. Họ sùng bái tổ sư hơn cả sùng bái Phật, đây là người Nhật bản thật sự tôn sư trọng đạo. Niệm niệm không quên ân sư. Rất nhiều chùa đều dùng tên của đại sư Thiện Đạo,

gọi là Chùa Thiện Đạo. Quý vị thấy tên Chùa Thiện Đạo, là biết đây là đạo tràng của Tịnh độ Tông.

Đại sư Thiện Đạo giải thích Ngụy Dịch là: “Không trú định tụ, tức là diệt độ, không thủ chánh giác”. Đây là kinh văn trong bản của Khương Tăng Khải, đại sư vẫn dùng Đường Dịch để giải thích, để giúp mọi người dễ lý giải. “Không trú định tụ”, tức là ở đây nói “xa lìa phân biệt, các căn tịch tịnh”, đây là Thiên định. Các căn tịch tịnh, thông thường mà nói, trong Kinh Lăng Nghiêm nói, đây là định của A la hán chứng được, cửu thứ đệ định, ra khỏi luân hồi lục đạo. Cao nhất trong lục đạo là đệ bát định, tứ thiên bát định, định thứ chín ra khỏi lục đạo, không còn luân hồi, họ trú trong tứ thánh pháp giới. Họ có đẳng cấp là Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát và Phật. Các căn tịch tịnh là A la hán và Bích Chi Phật. Xa lìa phân biệt, trần sa phiền não cũng đoạn, đây là Phật Bồ Tát trong tứ thánh pháp giới, là cảnh giới này. Cao nhất là cảnh giới Phật, trong cảnh giới Phật, nếu tiếp tục đoạn tận vô thi vô minh, họ ra khỏi mười pháp giới, đến nhất chân pháp giới.

Kinh văn của Ngụy Dịch: “Không trú định tụ” là nói hai câu này, ở đây nói càng rõ ràng: “Xa lìa phân biệt, các căn tịch tịnh”. “Nhất định diệt độ”, nghĩa là chắc chắn thành Đẳng Chánh Giác, chứng đại niết bàn, đây nghĩa là nhất định diệt độ. Diệt độ chính là thành đẳng chánh giác, thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chứng đại bát niết bàn, chính là ý này.

Đại sư Thiện Đạo lấy những điều quan trọng trong này, chính là trong nguyện này, còn có thể thêm vào tên khác, đây là bốn tên, ý nghĩa càng rõ ràng hơn.

Thứ nhất là “tất chí diệt độ nguyện”, nếu niệm Phật sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, nhất định có thể đạt đến diệt độ. Diệt độ, diệt chính là diệt phiền não, diệt tất cả tập khí phiền não vô thi vô minh.

Thứ hai, cũng có thể gọi là chứng đại niết bàn nguyện. Niết bàn là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Trung cũng dịch thành chữ độ. Diệt điều gì? Diệt phiền não là nhân; diệt lục đạo, diệt mười pháp giới là quả, nhân quả đều diệt hết, vì đều không phải thật. Kiến tư phiền não, trần sa phiền não là giả, đến vọng tưởng đều không phải thật. Quả báo thì sao? Là mười pháp giới, mười pháp giới bao gồm lục đạo cũng không phải thật. Trong Chứng Đạo Ca của đại sư Vĩnh Gia nói rất hay: “mộng lý minh minh hữu lục thú, giác hậu không không vô đại thiên”. Khi giác ngộ, chẳng những lục đạo không còn, mà mười pháp giới cũng không còn. Như vậy cần phải chứng đại bát niết bàn, đây là ra khỏi mười pháp giới.

Thứ ba là “vô thượng niết bàn nguyện”, vô thượng niết bàn là thành tựu ở thế giới Cực Lạc. Cũng chính là nói, nhất định ở thế giới Cực Lạc có thể đoạn tận tập khí vô thi vô minh. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói, nhất định chứng được quả vị Diệu Giác, tức là vô thượng niết bàn.

Thứ tư cũng có thể gọi là trú tướng chứng quả nguyện. Không phải diệt tướng, là trú tướng. Trong cõi thật báo trang nghiêm ở thế giới Cực Lạc, có tướng, không phải không có tướng. Diệu giác vị không có tướng, Diệu giác vị trở về thường tịch quang, nghĩa là cõi thật báo này cũng không có. Nhưng những vị Phật ở thế giới Cực Lạc, họ có thể ở thế giới Cực Lạc giúp Phật A Di Đà giáo hóa chúng sanh. Như vậy là họ trú tướng, tướng của họ không diệt, đây mới gọi là sự sự vô ngại. Họ có thể không trú tướng, cũng có thể trú tướng. Trú tướng tức như trong kinh điển đại thừa gọi là “hữu dư y niết bàn”. Không trú tướng là “vô dư y niết bàn”. Điều này không giống ứng thân và hóa thân, ứng thân và hóa thân là pháp thân Bồ Tát thị hiện, đây là vãng sanh đến thế giới Cực Lạc và tu được quả vị, vẫn là bất hoại tướng. Tướng ở thế giới tây phương Cực Lạc vĩnh viễn bất hoại, nó mãi mãi không thay đổi. Nó chỉ có tâm hiện, không có thức biến. Có thể giống như Phật A Di Đà, thường trú ở thế giới Cực Lạc, vĩnh viễn trú ở thế giới Cực Lạc, giúp tất cả chúng sanh. Phật là thầy, những người này làm huấn luyện, giúp họ vững vàng thành tựu.

Như ngày xưa, dưới chế độ quân chủ, tôi thấy có một ưu điểm, họ đào tạo người kế vị. Quý vị xem lập thái tử, hoàng đế lập thái tử, đại khái chế độ trong cung đình của các hoàng tử, tám tuổi học tiểu học, 15 tuổi là đại học, ở giữa không có trung học. Nếu lập làm thái tử, họ sẽ có thầy giáo cố định, có ba vị thầy là thái bảo, thái phó và thái sư, ba vị này là thầy của họ. Thái bảo quản lý việc gì? Quản lý sự lành mạnh trong cuộc sống của họ, dạy những điều này. Hay nói cách khác, ngày nay chúng ta gọi là giáo dục cuộc sống, là thái bảo quản lý. Thái phó quản về đạo đức, luân lý đạo đức thái phó chịu trách nhiệm. Thái sư phụ trách về mảng học thuật, tương lai trị quốc bình thiên hạ, quản lý điều này. Họ có ba người thầy, còn có ba vị huấn luyện, huấn luyện là gì? Là đốc thúc họ thực hành, dẫn dắt họ làm, học rồi mà không thực hành không được. Ba vị huấn luyện này gọi là thiếu bảo, thiếu phó và thiếu sư, những người này phải cùng sống với thái tử, họ đã đào tạo người kế vị như thế. Khi thật sự hiểu rõ, quý vị nói thời xưa là phong kiến, đó là thời đại không giống nhau. Vào thời đại đó, dùng chế độ đó rất hay, thời đại khác nhau, nó không có gì sai lầm. Phương pháp giáo dục dạy học này là thánh nhân, giáo dục của thánh hiền. Giáo dục thánh hiền thì chúng ta biết chính trị là chính trị của thánh hiền, xã hội là xã hội của thánh hiền, công thương nghiệp là công thương của thánh hiền, không giống nhau.

Đến thế giới Cực Lạc, Phật A Di Đà là thầy, những người này đã thành Phật chứng được quả vị Diệu giác, họ vẫn ở lại thế giới Cực Lạc làm huấn luyện, họ chỉ dẫn cho những người mới vãng sanh đến thế giới Cực Lạc. Quả thật phiền não của họ vẫn chưa đoạn tận, là được oai thần bổn nguyện của Phật A Di Đà gia trì, không phải tự họ chứng được, cho nên cần những người này giúp họ. Do đây có thể biết, địa vị của những người này ở thế giới Cực Lạc, đều gọi là Đẳng giác Bồ Tát, số người này rất nhiều! Là “các bậc thượng thiện như câu hỏi một chỗ”, thượng thiện là Đẳng giác Bồ Tát, đến giúp chúng sanh, thuận lợi chứng được quả vị cứu cánh viên mãn. Đây là một trong những điều vi diệu thù thắng ở thế giới Cực Lạc.

“Chân Giải khen ngợi rằng: Cao tổ chỉ nguyện của đại sư Thiện Đạo gọi là thái tận nguyện ý”. Người Nhật bản xưng đại sư Thiện Đạo là Cao tổ, đại sư Thiện Đạo đưa ra tên của bốn nguyện này, đúng là rất hay, ý trong nguyện này đều hiển thị ra hết. “Ngày nay bản hội tập lại trích dẫn văn của Đường Dịch, lại đặt tên là định thành chánh giác nguyện, chính là phù hợp với ý của đại sư Thiện Đạo”. Đại sư Thiện Đạo đặt ý nghĩa của bốn tên này, là hiển lộ đại nguyện của Phật Di Đà.

Chúng ta xem tiếp. “Đại sư Thiện Đạo đối với năm nguyện trong 48 nguyện gọi là định thành chánh giác, quang minh vô lượng, thọ mạng vô lượng, Chư Phật xưng tán và thập niệm tất sanh thành chân thật nguyện”. Trong 48 nguyện, năm nguyện này là chân thật nguyện. Trong nhà Phật đều nói đại sư Thiện Đạo là Phật A Di Đà tái sanh, đây là vị tổ đời thứ hai của Tịnh độ. Tổ sư đời thứ sáu của Tịnh độ, cũng là Phật A Di Đà tái sanh, Vĩnh Minh Diên Thọ là Phật Di Đà tái sanh. Còn có một vị pháp sư ở núi Thiên Thai, là hóa thân của Phật A Di Đà, hòa thượng Phong Can. Hàn Sơn, Xả Đắc và Phong Can tu hành ở Chùa Quốc Thanh. Hàn Sơn và Xả Đắc là Bồ Tát Văn Thù và Bồ Tát Phổ Hiền, Phong Can là Phật A Di Đà.

Phật Bồ Tát thường thị hiện tại nhân gian, người thường không nhận ra được, đến khi nhận được họ lập tức ra đi, không còn nữa, đây là thật. Nếu họ tự nói mình là Bồ Tát tái sanh, Phật tái sanh, nhưng họ vẫn lưu lại thế gian không đi, đó là giả không phải thật, gọi là chân nhân không lộ tướng. Chúng ta phải biết phân biệt thật và giả.

Thời cận đại, đại sư Ấn Quang là Bồ Tát Đại Thế Chí tái sinh, điều này do một người bạn nhỏ nói. Trong Ấn Quang Đại Sư Vĩnh Tư Lục, có một bài văn ghi chép về vấn đề này. Họ đến thăm đại sư Ấn Quang, đã nói ra chuyện này, đại sư Ấn Quang mắng họ một trận, giáo huấn họ một trận, vĩnh viễn không được nói lời này. Đến khi đại sư Ấn Quang vãng sanh, mới nói ra điều này, mọi người mới biết có một chuyện như thế.

Trong 48 nguyện, đại sư Thiện Đạo “xưng năm nguyện này là tâm yếu của 48 nguyện. Có thể thấy nguyện này thật là tâm tùy hồng thế của Phật Di Đà. Bản hoài của Phật này chỉ là vì tất cả chúng sanh chắc chắn thành Phật”. Câu này vô cùng quan trọng, Phật này là Phật A Di Đà, bản nguyện của Phật A Di Đà, bản hoài tức là bản nguyện. Chính là vì tất cả chúng sanh, nhất định thành tựu ngay trong đời này. Hay nói cách khác, ngài kiến lập thế giới tây phương Cực Lạc, tiếp dẫn tất cả chúng sanh có nhân duyên khắp biến pháp giới hư không giới. Chúng ta nhất định phải thêm chữ có nhân duyên vào. Có nhân duyên là gì? Là họ có thể tin, không tin là không có duyên. Tin là có thể hiểu, hiểu có thể hành, hành mới có thể chứng, chứng là đến thế giới tây phương Cực Lạc, vãng sanh là chứng quả, sau khi vãng sanh chắc chắn thành Phật. Thế giới Cực Lạc là một trường học thành Phật, lớp huấn luyện thành Phật, đến đó nhất định thành Phật.

“Vì thực hiện nguyện này, cho nên có đại nguyện thù thắng mười niệm nhất định vãng sanh”. Vì thực hiện đại nguyện này, nghĩa là nhất định thành Phật, định thành chánh giác, cho nên mới có mười niệm tất sanh. Mười niệm ở đây_Ồ sau đến nguyện

thứ 18, có một đoạn chú giải rất dài thảo luận về vấn đề này. Ở đây chúng ta có thể kiên định tín tâm của mình, vì sao vậy? Vì bất cứ ai đều có đời trước, đời trước còn có đời trước nữa.

Nhìn từ lịch sử, Trung quốc hiệu xưng là 5000 năm lịch sử, 5000 năm trước chúng ta có chăng? Có chúng ta, không những có chúng ta, mà vô lượng kiếp trước vẫn có chúng ta. Ta không chỉ sống trên địa cầu này, mà còn ở trong hư không, từng ở trong nhiều tinh cầu khác. Quý vị có thể nói trong đời quá khứ chưa từng gặp Phật pháp chăng? Chắc chắn từng gặp, và nhất định đã từng học, nhưng chưa tu thành công, đó là do tín nguyện hạnh chưa đầy đủ. Bây giờ lại gặp, biểu hiện là mười niệm tất sanh. Thử xem quá khứ, quá khứ thiện căn sâu dày, nếu không đâu có đơn giản như vậy. Khi lâm mạng chung có người vừa nhắc nhở, quý vị đã tin, liền tiếp nhận, không có đạo lý này. Cho nên mỗi người đều có nhân duyên rất sâu dày với Phật A Di Đà, nếu không không làm được. Tuy có nhân duyên rất sâu dày với Phật A Di Đà, nhưng mê cũng rất nghiêm trọng. Mê là gì? Dù cho nghe và thấy được cũng không tin, khi thầy khuyên bảo vẫn không tin, tôi chính là người như thế. Tôi tin Tịnh độ quả thật rất khó! Tôi vốn có ngộ nhận rất sâu đối với pháp môn Tịnh độ, đến thầy Lý khuyến, sau cùng khuyến tôi như thế nào? Thầy nói, pháp môn này chư vị tổ sư đại đức xưa nay, rất nhiều người có học vấn, có đạo đức, có tu trì, họ đều tin, chúng ta cũng tin thử một lần xem! Thầy dùng những lời này khuyến tôi, tôi đều không tiếp thu. Cuối cùng vì sao tôi tiếp thu? Tôi tiếp thu từ trong Hoa Nghiêm, Lăng Nghiêm, Pháp Hoa. Thường xuyên giảng những bộ kinh này, có một hôm đột nhiên nhớ lại, Văn Thù và Phổ Hiền tu pháp môn nào mà thành công? Xem Kinh Hoa Nghiêm, vì ở sau Kinh Hoa Nghiêm chưa giảng đến, tôi liền siêng năng coi lại một lần từ đầu đến cuối, mới phát hiện. Tứ Thập Hoa Nghiêm quyển thứ 39, quyển thứ 38 và quyển 39 có nói đến, Văn Thù và Phổ Hiền là niệm Phật A Di Đà, vãng sanh thế giới Cực Lạc và thành tựu. Thiện Tài Đồng Tử là môn sanh đặc ý của Bồ Tát Văn Thù, chắc chắn học cùng một pháp môn với thầy. Quý vị xem lúc đó tôi cũng rất sơ ý, giảng đến một nửa Tứ Thập Hoa Nghiêm đều không nhận ra điều này. Quay lại xem từ đầu mới phát hiện, đúng là Thiện Tài Đồng Tử đi cùng một đường với thầy. Phát hiện điều gì? Người tham bái đầu tiên là tỳ kheo Kiết Tường Vân, tu ban châu tam muội. Ban châu tam muội là chuyên niệm Phật A Di Đà, cầu sanh tây phương Tịnh độ. Người đầu tiên, vào trước làm chủ. Lần sau cùng của 53 lần tham bái là Phổ Hiền Bồ Tát thập đại nguyện vương quy về Cực Lạc, mới bỗng nhiên đại ngộ. Thì ra Thiện Tài Đồng Tử đầu và cuối niệm Phật A Di Đà, giai đoạn tham học ở giữa là thị hiện. Thị hiện điều gì? Pháp môn này vượt qua tất cả các pháp môn khác, thị hiện ý này. 51 vị thiện tri thức ở giữa, nam nữ già trẻ, các ngành các nghề, là những người Thiện Tài Đồng Tử đến tham bái. Giai đoạn này là biểu trưng vô lượng pháp môn, biểu trưng tám vạn bốn ngàn pháp môn, tiếp xúc tất cả các pháp môn, hiểu rõ tất cả các pháp môn, nhưng không học. Sau cùng là “luyện đức lễ từ”, nghĩa là lúc đến tham bái sự tiếp đãi của ông, sự quan tâm của ông, sự dạy dỗ của ông tôi nghe đều rất cảm kích. Luyện đức là cảm kích ân đức của họ, lễ từ, từ là không tu, vẫn là rốt ráo niệm Phật. Lúc này tôi mới nhận ra được ý nghĩa này, như vậy mới tin vào Tịnh độ, sau đó xem kinh điển Tịnh độ không giống nhau, hiểu ra được ý nghĩa trong đó. Từ chỗ này mới lãnh hội được một

cách sâu sắc lời đại sư Ân Quang nói: Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích. Ta không có thành kính đối với kinh giáo này, không có thành kính đối với thầy, như vậy chẳng học được gì cả. Dù nói rõ ràng minh bạch đến đâu cũng nghe không hiểu, nghe không lọt vào tai. Từ đây chúng ta hiểu được rằng, người bây giờ rất khó học giáo lý thánh hiền, vì sao vậy? Vì họ không tôn trọng giáo huấn của thánh hiền. Không những họ không tôn trọng giáo huấn thánh hiền, mà đến cha mẹ họ cũng không hiểu thuận. Hiếu thuận cha mẹ là tánh đức, phụng sự sư trưởng cũng là tánh đức. Mê mất tự tánh, tánh đức biến mất, không còn nữa. Hay nói cách khác, cho dù Phật Bồ Tát đến dạy, Khổng phu tử đến dạy, ta cũng không thâm nhập được, chướng ngại của mình quá nghiêm trọng, ta không tiếp thu được.

Trong thời gần đây tôi thường nghĩ, nghĩ đến một bộ sách, là Quốc Học Trị Yếu, nhà sách Trung hoa xuất bản vào đầu năm dân quốc. Năm dân quốc thứ 19, tôi sinh vào năm dân quốc thứ 16, sách này xuất bản khi tôi bốn tuổi. Hay nói cách khác, bộ sách này xuất bản đến nay là 80 năm, tôi chưa từng thấy, chỉ biết là có bộ sách này, thường nghĩ đến nó. Hôm qua có một vị đồng tu đem đến cho tôi, tôi xem thấy rất hoàn chỉnh, không thiếu trang nào, chữ rõ ràng. Đây là tâm tưởng sự thành! Tôi rất cảm kích, để các vị đồng học viết tên anh ta lại, và đưa sách này đến Đài Loan in ra 3000 bộ. Sau khi in xong, tôi tặng một bộ mới cho anh ta, có thể sao in trên mọi hình thức, phóng chữ lớn hơn một chút, phóng lên cỡ chữ 16 xem sẽ rất dễ chịu. Bộ sách này là gì? Vì sao thường nghĩ đến nó? Rất nhiều năm trước, tôi ở Đài Loan, khoảng 10 năm trước. Bộ sách đầu tiên là Tứ Khố Toàn Thư Hội Yếu, tôi mua một bộ, do nhà sách Thế giới xuất bản, rất hoan hỷ. Lúc đó trong lòng nghĩ, bộ sách này phân lượng quá lớn, người bình thường không thể đọc, tôi cũng không thể, làm gì có thời gian để xem sách này? Tôi liền nghĩ, nếu trích lục ra những gì quan trọng trong bộ sách này, trích lục những điều hay, những điều quan trọng biên tập thành một cuốn sách. Xem một cuốn sách này, đồng nghĩa là ta đã xem hết cả bộ sách.

Tôi tìm em trai tôi đang ở Thượng Hải, cũng đưa cho chú ấy một số tiền, hy vọng có thể mời được các vị giáo thọ chuyên dạy ngữ văn đã về hưu ở Đại lục. Khi không có việc gì thì xem những sách này rồi trích lục ra, đã làm nhưng tôi thấy chưa lý tưởng, thế nhưng việc này cũng bỏ qua. Không ngờ cô nhân đã làm điều này, hoàn toàn giống như suy nghĩ của tôi. Cuốn sách của họ không phải dùng hội yếu, mà là dùng toàn thư, Tứ Khố Toàn Thư. Y theo những điều quan trọng trong Kinh- Sử- Tử- Tập, trích lục ra những điều hay trong đó, tên cuốn sách này gọi là Quốc Học Trị Yếu.

Nguyên nhân gì lại dùng trị yếu? Trị yếu là Quân Thư Trị Yếu của Đường Thái Tông biên tập, họ có linh cảm từ bộ sách này, cho nên họ cũng lấy tên là Trị Yếu, gọi là Quốc Học Trị Yếu. Nhưng Quân Thư Trị Yếu của Đường Thái Tông, nghiêng nặng về chính trị và triết học chính trị, trong đó liên quan đến tu thân, tu thân dưỡng tánh, trị quốc, bình thiên hạ. Trong bộ sách này đa phần đều nói về vấn đề này, Quốc Học Trị Yếu rất phổ biến, nó là một loại nghiên cứu học thuật, phạm vi rộng. Bộ sách này, bây giờ chúng ta nghĩ làm sao để phục hưng lại truyền thống văn hóa xưa, cần đọc bộ sách này. Sau khi đọc bộ sách này, mới có năng lực xem nguyên bản, có thể xem Tứ Khố, nó

là chìa khóa của Tứ Khố. Trước tiên là đọc bộ sách này, khi hiểu rõ thuần thực Tứ Khố, tiếp tục xem nguyên bản sẽ thú vị hơn. Cho nên tôi nghĩ ra một phương pháp, chính là chúng ta phải có nền tảng vững vàng của ba nhà Nho Thích Đạo, đức hạnh mới quan trọng. Người không có đức hạnh, khó mà thâm nhập được những điều này.

Đức hạnh là nền tảng, tức Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp là chương trình bắt buộc học, nếu không tu không thể làm người. Thứ hai là học văn cổ, bộ sách này tuyển chọn toàn điều hay, nội dung lại phong phú. Chúng ta tra từ trong Cổ Kim Văn Tuyển của nhật báo quốc ngữ Đài Loan, trong đó nhất định có những bài được chọn ra. Nếu có thể chọn được 100 bài, như vậy thì rất dễ, học 100 bài này, đọc 100 bài này. Vì 100 bài này trong Quốc Học Trị Yếu có, nhật báo quốc ngữ cũng chọn, tiết kiệm rất nhiều thời gian.

Đặt vững nền tảng từ đây, dùng thời gian 10 năm hoặc 20 năm, truyền thống văn hóa lại được phục hưng, không quyết tâm hạ công phu ở đây không được. Nhất định phải y theo phương pháp truyền thống, không được làm theo phương pháp mới, cách mới không thể thành tựu, nhất định phải theo phương pháp ngày xưa. Nhất định phải thuộc 100 bài văn cổ này, phải học thuộc 100 bài, lúc này đối với văn cổ không còn thấy khó khăn nữa. Khi có đức hạnh, thì nền tảng này đã vững chắc. Gọi là khổ luyện mười năm, nhất cử thành danh. Bây giờ rất nhiều sách hay đều được xuất bản.

Hai năm trước nhà sách Thương Vụ tái bản Tứ Khố Toàn Thư, tôi mua 100 bộ. Vốn là định tặng cho các trường trong nước, nhưng vì nhân duyên không đầy đủ, nên tặng một phần ra nước ngoài. Tặng 10 bộ cho Malaysia, tặng 10 bộ cho Indonesia, 10 bộ cho Úc châu, xem trong nước có nhân duyên chăng. Nhà sách Thế giới nói với tôi, họ sắp tái bản Tứ Khố Hội Yếu, tôi cũng đặt 100 bộ. Trước đây tôi có mua hơn 60 bộ ở chỗ họ, lần này tôi đặt 100 bộ. Quốc Học Trị Yếu rất hay, hôm qua tôi vừa nhìn thấy, liền báo cho nhà sách chuẩn bị in 3000 bộ. Bộ sách này có tám cuốn dày như vậy, tám cuốn bìa cứng. Đây chính là tiểu Tứ Khố Toàn Thư, tinh hoa của Tứ Khố Toàn Thư, rất có ý nghĩa.

Tôi nghĩ đến nó lâu như thế, nó đến thật, chắc là do nhân duyên thuần thực, nhân duyên không thuần thực nó không đến. Tôi cũng in 3000 bộ Quán Thư Trị Yếu, có bìa mềm, có bìa cứng. Bìa cứng in 500 cuốn làm quà tặng người khác, bìa mềm in 2500 cuốn. Tôi muốn tặng cho những chí sĩ có đạo đức làm chính trị, đây là trị quốc bình thiên hạ. Cho nên tôi phân phối tặng cho đảng cộng sản, đảng quốc dân, đảng dân tiến, tôi đều tặng. Hy vọng họ đều học theo người xưa, tổ chức nền chính trị ngày càng tốt hơn, tạo phước cho nhân dân.

Chúng ta cũng có nhân duyên, ở đây giảng giải về kinh điển đại thừa, ngoài ra tôi không nghe không hỏi, giữ bốn phận của mình. Ngành nghề này chính là giảng kinh thuyết pháp, hy vọng chúng ta cùng nỗ lực. Cám ơn mọi người.

Hết tập 204

